TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2025/HNGĐ - ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2025
" V/v ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông* **Nguyễn Đồng D**
- *Các hội thẩm nhân dân: Ông* **Nguyễn Thanh B**

Bà **Dương Thị Thu H**

Thư ký Toà án phiên toà: Ông **Dương Mạnh H** – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Y**- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1- Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2025 về việc giải quyết ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/DSST - QĐXX ngày 08/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị P**, sinh năm 1986
Địa chỉ: Tam Trạch, Yên Mỹ, Hưng Yên
Bị đơn: Anh **Phạm Văn B**, sinh năm 1990
Địa chỉ: Bên Sông, Phạm Ngũ Lão, Hưng Yên
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Phạm Bảo L, sinh năm 2018
Người đại diện cho cháu L: Chị P
Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh B có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2025 của chị P và các lời khai của chị P, anh B trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Chị Đặng Thị P và anh Phạm Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên (nay là xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên) vào năm 2017. Quá trình chung sống vợ chồng chị P tồn tại nhiều mau thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo như chị P trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do anh B mải chơi, thường xuyên uống bia, rượu, không lo lắng cho gia đình và thường chửi, xúc phạm chị P, gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo, động viên nhiều nhưng anh B không thay đổi, vợ chồng hiện nay sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nguyên nhân mâu thuẫn theo như anh B trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do chị P chửi con riêng của anh B, anh B không kìm chế được nên đã có nhiều lời nói không đúng mực đối với chị P, thời gian vợ chồng sống ly thân, anh B có nhắn tin nói chuyện với chị P nhưng chị P không phản hồi và không quay về chung sống cùng anh, bản thân anh B mong muốn vợ chồng đoàn tụ, không nhất trí ly hôn với chị P, trường hợp chị P vẫn kiên quyết ly hôn thì anh chấp nhận.

Về con chung: Chị P, anh B có 01 con chung tên Phạm Bảo L sinh ngày 17/7/2018. Ly hôn chị P và anh B đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị P, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của cháu L trình bày: Hiện nay cháu L đang ở cùng chị P và ông bà ngoại. Nguyện vọng của cháu L mong muốn được tiếp tục ở cùng chị P.

Đại diện gia đình chị P (bà Lộc) trình bày: Bà Lộc là mẹ đẻ chị P, mẹ vợ anh B. Cuộc sống vợ chồng chị P không có hạnh phúc, nguyên nhân do anh B mải chơi, uống rượu, bia, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên chửi, xúc phạm chị P, khi mẹ con chị P về gia đình bà ở thì anh B cũng không qua lại, không quan tâm. Nay chị P có đơn ly hôn anh B, bà Lộc đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng chị P được ly hôn để ổn định cuộc sống của mỗi người. Bà Lộc đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị P nuôi dưỡng, chị P có công việc và thu nhập ổn định, gia đình bà có nhà cửa rộng rãi, kiên cố, bản thân bà cũng nghỉ hưu nên có điều kiện để quan tâm chăm sóc cho cháu L.

Đại diện gia đình anh B (bà Đoạn) trình bày: Bà Đoạn là mẹ đẻ anh B, mẹ chồng chị P. Vợ chồng anh B có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm sống, tháng 03/2025 chị P mâu thuẫn với con riêng anh B nên vợ chồng cãi nhau, xúc phạm nhau, mẹ con chị P về bên ngoại ở và không quay lại gia đình bà. Gia đình cũng đã đến nói chuyện nhưng chị P không về, gia đình có nguyện vọng vợ chồng chị P về đoàn tụ, nếu phải ly hôn thì gia đình mong muốn được nuôi cháu L.

Xác minh với chính quyền địa P thể hiện: Chị P và anh B có đăng ký kết hôn tại địa P vào năm 2017. Quá trình chung sống vợ chồng chị P có mâu thuẫn gì nảy sinh thì địa P không nắm được, qua công tác nắm bắt tình hình an ninh trật tự ở địa P thì hiện nay vợ chồng chị P đã sống ly thân. Vợ chồng chị P có 01 con chung tên Phạm Bảo L sinh ngày 17/72018, hiện cháu L đang ở cùng chị P. Vợ chồng chị P có hay không có tài sản chung địa P không nắm được.

Quá trình giải quyết vụ án, chị P có mời luật sư để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị, tuy nhiên ngày 23/4/2025 chị P đã chấm dứt việc mời luật sư, do đó Tòa án không đưa luật sư vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Tại phiên tòa chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và tự nguyện chịu toàn bộ án phí. HĐXX căn cứ vào các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt chị P.

Anh B có quan điểm: Anh B có mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên không tìm được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu chị P vẫn kiên quyết ly hôn, anh đồng ý ly hôn. Anh B cũng đề nghị giao con chung cho chị P nuôi dưỡng và anh không phải đóng góp tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ, công sức anh B không yêu cầu giải quyết. Anh B đồng ý để chị P chịu toàn bộ án phí.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên đã tiến hành các hoạt động tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử về cơ bản đã đảm bảo theo quy định của BLTTDS năm 2015 để mở phiên toà xét xử sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự, người làm chứng đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của BLTTDS năm 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 55,81, 82, 83,84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị P và anh Phạm Văn B.

Về con chung: Giao L cho chị P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị P.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị P không đề nghị tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị P tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn và anh B đồng ý để chị P chịu toàn bộ án phí nên chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thẩm quyền: Chị Đặng Thị P có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn và con chung giữa chị với anh Phạm Văn B. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là anh Phạm Văn B có hộ khẩu thường trú tại Thôn Bên Sông, xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Hưng Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về việc kết hôn của chị P, anh B: Chị P, anh B lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi ,tỉnh Hưng Yên (nay là xã Phạm Ngũ Lão, tỉnh Hưng Yên) vào năm 2017, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy quan hệ hôn nhân của chị P, anh B là hợp pháp được pháp luật điều chỉnh. Chị P có đơn xin ly hôn sẽ áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời khai của chị P, anh B cũng như quan điểm trình bày của đại diện hai bên gia đình, xác minh với chính quyền địa P thấy rằng thực tế cuộc sống vợ chồng chị P, anh B không hoà thuận, hạnh phúc, vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn, bản thân anh B có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ nhưng các lần Tòa án tiến hành hòa giải anh B không thuyết phục được chị P cũng như không đưa ra được các giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa anh B đồng ý ly hôn với chị P, mặt khác vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay, hai bên chấm dứt mọi quan hệ, không còn quan tâm hay có trách nhiệm gì với nhau. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn tồn tại đã quá trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không thể duy trì nên căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, xét thấy việc công nhận thuận tình ly hôn giữa chị P và anh B là có căn cứ được chấp nhận.

Về con chung: Chị P, anh B có 01 con chung Phạm Bảo L sinh ngày 17/72018. Hai bên đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên. Quan điểm, nguyện vọng của chị P, anh B là đúng, đã thể hiện được tình cảm cũng như trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con chưa thành niên. Về điều kiện chăm sóc,

nuôi dưỡng con chung thì chị P và anh B đều có đủ điều kiện nuôi con chung, tuy nhiên quan điểm nguyện vọng của cháu L mong muốn tiếp tục được ở với chị P, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó để đảm bảo ổn định về cuộc sống cho cháu L cũng như tránh ảnh hưởng đến phát triển về tâm sinh lý thì việc giao cháu L cho chị P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là cần thiết, chấp nhận sự tự nguyện của chị P về việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị P, anh B không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị P tự nguyện chịu án phí STDS theo quy định của pháp luật..

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị P và anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Giao cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Bảo L, sinh ngày 17/7/2018 đến tuổi thành niên. Anh B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị P, anh B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Vê án phí: Chị P tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001493 ngày 12/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Hoàn trả chị P số tiền 150.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đồng Dực

Nơi nhận
- VKS tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 1- Hưng Yên;
- Phòng KTNV và THA tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Phạm Ngũ Lão, Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
;- Lưu HS.